

KẾ HOẠCH

**Tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn
2011-2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính
giai đoạn 2021-2030 của thị xã**

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BCĐCCHC ngày 04/02/2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh về ban hành Kế hoạch tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của tỉnh Gia Lai; văn bản số 02/BCĐCCHC ngày 04/02/2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh về hướng dẫn báo cáo tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của tỉnh; Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của thị xã An Khê, giai đoạn 2016-2020,

Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn thị xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá toàn diện tình hình và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND thị xã ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước của thị xã An Khê, giai đoạn 2016-2020.

Xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được; chỉ rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; xác định bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp CCHC của thị xã giai đoạn 2021-2030 phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Yêu cầu

Việc tổng kết, đánh giá phải đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Sở Nội vụ; đảm bảo toàn diện, khoa học, thiết thực, hiệu quả, đa chiều, có sự phối hợp, tham gia đóng góp ý kiến của các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Báo cáo tổng kết bảo đảm đánh giá chính xác, toàn diện kết quả đạt được trên các nội dung CCHC; tập trung làm rõ kết quả so với mục tiêu, làm rõ mục tiêu đạt được, nguyên nhân những mục tiêu không đạt được. Xây dựng Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của thị xã phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm; hệ thống giải pháp đồng bộ, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Gắn việc tổng kết với công tác thi đua, khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

II. PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN TIẾN HÀNH

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường hoàn thành báo cáo tổng kết công tác CCHC giai đoạn 2011-2020 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2030 chung của thị xã gửi về Phòng Nội vụ **trước ngày 02/3/2020**.

UBND thị xã tổ chức tổng kết **trước ngày 15/3/2020** và báo cáo về tỉnh **trước ngày 06/4/2020**.

III. NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị thuộc thị xã:

Trên cơ sở kế hoạch CCHC giai đoạn của cơ quan, đơn vị mình thực hiện báo cáo tổng kết công tác CCHC giai đoạn 2011-2020 tại cơ quan, đơn vị (*nội dung báo cáo theo đề cương hướng dẫn của Sở Nội vụ tại văn bản số 975/SNV-CCHC ngày 18/7/2016; số liệu báo cáo tính từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 29/02/2020*).

2. Báo cáo của thị xã

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tham mưu UBND thị xã xây dựng báo cáo tổng kết công tác CCHC giai đoạn 2011-2020 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2030 của thị xã theo đề cương hướng dẫn tại văn bản số 975/SNV-CCHC ngày 18/7/2016; số liệu báo cáo tính từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 29/02/2020 và gửi về Phòng Nội vụ thị xã tổng hợp **trước ngày 02/3/2020** (*có hướng dẫn phân công cụ thể kèm theo*).

3. Phân công cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo chuyên đề phục vụ Hội nghị tổng kết của thị xã (Báo cáo tham luận)

- **Văn phòng HĐND và UBND thị xã:** Xây dựng báo cáo chuyên đề về thực hiện cải cách TTHC; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của thị xã giai đoạn 2011-2020.

- **Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã:** Xây dựng báo cáo chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước về công tác CCHC giai đoạn 2011-2020.

- **Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã:** Xây dựng báo cáo chuyên đề việc xây dựng chuyên mục, chuyên trang về công tác tuyên truyền CCHC trên địa bàn thị xã giai đoạn 2011-2020.

- **UBND phường An Phú:** Xây dựng báo cáo chuyên đề về triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO.

- **UBND xã Xuân An:** Xây dựng báo cáo chuyên đề về triển khai công tác tuyên truyền CCHC tại địa phương giai đoạn 2011-2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ thị xã

Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường thực hiện báo cáo tổng kết theo các nội dung, yêu cầu của Kế hoạch này.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổng hợp số liệu, xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết trình UBND thị xã.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổng hợp danh sách các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 để thẩm định, tham mưu Chủ tịch UBND thị xã xem xét, quyết định khen thưởng.

Chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND và UBND thị xã chuẩn bị nội dung: chương trình hội nghị, bài khai mạc, bế mạc hội nghị và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tổ chức Hội nghị tổng kết của thị xã.

Phối hợp với Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã lập dự trù kinh phí để tổ chức hội nghị tổng kết theo quy định.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC thị xã; các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường:

Căn cứ nội dung kế hoạch này, xây dựng báo cáo tổng kết công tác CCHC giai đoạn 2011-2020 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2030 đúng thời gian, đảm bảo nội dung và yêu cầu gửi về UBND thị xã (qua Phòng Nội vụ thị xã) **trước ngày 02/3/2020**.

Xét chọn, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thị xã khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 gửi về Phòng Nội vụ thị xã **trước ngày 05/3/2020**.

Phối hợp với Phòng Nội vụ thị xã chuẩn bị các nội dung tổ chức Hội nghị tổng kết chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của thị xã.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, sáng kiến về CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thị xã.

3. Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã

Tham mưu đề xuất nguồn kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

4. Trung tâm văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, đưa tin kết quả thực hiện công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn thị xã.

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường phản ánh về UBND thị xã (qua Phòng Nội vụ thị xã) để kịp thời giải quyết. *hll*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thường Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm VH TT và TT thị xã;
- Công TTĐT thị xã;
- Lưu: VT, NV. *hll*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Vỹ

HƯỚNG DẪN PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

**Báo cáo tổng kết Chương trình cải CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020
và xây dựng Chương trình CCHC giai đoạn 2021-2030 của thị xã**
(Kèm theo Kế hoạch số 15 /KH-UBND ngày 26/02/2020 của UBND thị xã)

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tham mưu UBND thị xã xây dựng báo cáo tổng kết công tác CCHC giai đoạn 2011-2020 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2030 của thị xã theo đề cương hướng dẫn của Sở Nội vụ tại văn bản số 975/SNV-CCHC ngày 18/7/2016; số liệu báo cáo tính từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 29/02/2020, cụ thể:

1.1. Phòng Tư pháp thị xã: Báo cáo tại mục 1, Phần II của Đề cương báo cáo.

1.2. Văn phòng HĐND và UBND thị xã: Báo cáo tại mục 2, Phần II; điểm 3.5, mục 3, Phần II; điểm 6.2, mục 6, Phần II của Đề cương báo cáo.

Ngoài ra, báo cáo thêm các nội dung sau: TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Kết quả giải quyết TTHC của thị xã và UBND các xã, phường; (Báo theo phụ lục 07); Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường; Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường; Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường; Nguyên nhân hồ sơ trễ hẹn và thực hiện xin lỗi công dân; Trách nhiệm của Chủ tịch UBND thị xã, UBND các xã, phường trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; Việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị xã, UBND cấp xã. Hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định.

1.3. Phòng Nội vụ thị xã: Báo cáo Phần I; điểm 3.1, 3.2, 3.3 mục 3, mục 4, Phần II của Đề cương báo cáo.

1.4. Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã: Báo cáo mục 5, Phần II của Đề cương báo cáo.

1.5. Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã: Báo cáo điểm 6.1, mục 6, Phần II của Đề cương báo cáo.

1.6. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã: Báo cáo mục 4, Phần I của Đề cương báo cáo.

Lưu ý:

- Báo cáo phải đánh giá chung về những kết quả tích cực đạt được, có đầy đủ các số liệu cụ thể chứng minh; tồn tại, hạn chế, nguyên nhân (Ghi rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp); bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC giai đoạn 2011-2020 và đề xuất nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 (Lưu ý: đề xuất nhiệm vụ phải rõ ràng, cụ thể, không nêu chung chung).

- Kiến nghị, đề xuất cấp trên về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh CCHC trong thời gian tới (Lưu ý: Trường hợp đơn vị không có kiến nghị, đề xuất cũng cần ghi rõ “Không có kiến nghị, đề xuất” để có cơ sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh).

- Đối với Phụ lục báo cáo, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo theo Phụ lục kèm theo văn bản số 975/SNV-CCHC của Sở Nội vụ./.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 715/SNV-CCHC
V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch
CCHC năm và thực hiện chế độ
báo cáo CCHC theo quy định

Gia Lai, ngày 18 tháng 7 năm 2016

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và báo cáo cải cách hành chính (CCHC) hàng năm; Sở Nội vụ hướng dẫn lại việc xây dựng kế hoạch CCHC và báo cáo CCHC hàng năm của các cơ quan, địa phương, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch CCHC năm

Căn cứ Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, Chương trình CCHC của tỉnh, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch CCHC hàng năm với các nhiệm vụ cụ thể về: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành CCHC. Các nhiệm vụ này gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng cơ quan, đơn vị; kết quả đầu ra cụ thể và bố trí nguồn kinh phí cần thiết của sở, của huyện để thực hiện (có đề cương kế hoạch kèm theo được đăng tải trên website của Sở Nội vụ tại địa chỉ <http://snv.gialai.gov.vn/>).

2. Báo cáo CCHC

Báo cáo CCHC của cơ quan, địa phương yêu cầu xây dựng thống nhất với các phần chính là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.
- Kết quả thực hiện công tác CCHC.
- Đánh giá chung.
- Phương hướng, nhiệm vụ CCHC trong thời gian tới.
- Kiến nghị, đề xuất.

(có đề cương báo cáo kèm theo được đăng tải trên website của Sở Nội vụ tại địa chỉ <http://snv.gialai.gov.vn/>)

Đối với các sở, ngành được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC của tỉnh, ngoài việc báo cáo kết quả thực hiện CCHC của cơ quan, đơn vị mình còn phải có trách nhiệm báo cáo về các nội dung, nhiệm vụ CCHC của tỉnh, cụ thể như sau:

- Sở Tư pháp báo cáo tổng hợp về cải cách thể chế và cải cách thủ tục hành chính.

- Sở Tài chính báo cáo tổng hợp tình hình cải cách tài chính công.
- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tổng hợp tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.
- Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Thời gian báo cáo, ban hành kế hoạch CCHC

2.1. Thời gian báo cáo (định kỳ)

- Báo cáo quý gửi trước ngày 05 tháng cuối cùng của quý.
- Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05 tháng 6 hàng năm.
- Báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 11 hàng năm.

2.2. Thời gian ban hành kế hoạch

- Kế hoạch CCHC năm ban hành trước ngày 31/12 năm trước liền kề năm kế hoạch.
- Kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm ban hành trong quý I của năm kế hoạch.
- Kế hoạch công tác tuyên truyền CCHC hàng năm ban hành trước ngày 31/12 năm trước liền kề năm kế hoạch.

3. Về việc gửi báo cáo, kế hoạch CCHC

Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi các báo cáo định kỳ về công tác CCHC; kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra CCHC, kế hoạch công tác tuyên truyền CCHC hàng năm về Sở Nội vụ theo thời gian quy định trên, đồng thời gửi văn bản điện tử bằng hộp thư công vụ qua địa chỉ email: cchc.snv@gialai.gov.vn.

Sở Nội vụ sẽ theo dõi, tổng hợp việc thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ và các kế hoạch của các cơ quan, địa phương để làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua khen, thưởng, chi số CCHC hàng năm. Sở Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, phối hợp chỉ đạo thực hiện xây dựng kế hoạch và chế độ thông tin báo cáo về CCHC của cơ quan, địa phương đảm bảo đúng nội dung và thời gian quy định.

Ghi chú: Công văn này thay thế Công văn số: 1301/SNV-TCBM ngày 16/10/2012 của Sở Nội vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CCHC

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Quốc Hùng

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
VÀ UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Công văn số: 975/SNV-CCHC ngày 18/7/2016 của Sở Nội vụ)

Báo cáo cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, địa phương yêu cầu xây dựng thống nhất với các phần chính là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
- Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.
- Đánh giá chung.
- Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới.
- Kiến nghị, đề xuất.

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

- Nêu rõ việc xây dựng và ban hành kế hoạch CCHC năm của cơ quan, địa phương.
- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính.
- Việc tổ chức các Hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính.
- Công tác thi đua khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, địa phương.
- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm tại các cơ quan, địa phương.
- Kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ số đơn vị được kiểm tra, việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.
- Kết quả thực hiện KH tuyên truyền, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL

1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương

1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, địa phương

a) Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, địa phương:

Tình hình triển khai và kết quả xây dựng VBQPPL của cơ quan, địa phương. Trong đó, làm rõ việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng VBQPPL theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành.

b) Rà soát VBQPPL của cơ quan, địa phương:

Tình hình triển khai kế hoạch rà soát định kỳ các VBQPPL do cơ quan, địa phương ban hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các VPQPPL tại cơ quan, địa phương:

Tình hình triển khai thực hiện các VBQPPL tại cơ quan, địa phương; trong đó, nêu rõ VBQPPL phải triển khai thực hiện tại cơ quan, địa phương theo quy định; số văn bản QPPL đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

Tình hình kiểm tra thực hiện các VBQPPL tại cơ quan, địa phương; trong đó nêu rõ số VBQPPL được kiểm tra thực hiện so với tổng số văn bản QPPL hiện hành; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC.

- Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Việc thực hiện các phương án đơn giản hóa TTHC theo quy định của Chính phủ; trong đó nêu rõ kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC

và các quy định liên quan đến TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cơ quan, địa phương.

- Việc công bố, cập nhật TTHC.
- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương.

c) Về công khai thủ tục hành chính

Nêu cụ thể tình hình công khai TTHC theo quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên mạng Internet và các hình thức công khai khác. Trong đó, nêu rõ số cơ quan, đơn vị trực thuộc công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; số lượng (hoặc tỷ lệ) TTHC được công khai trên trang web của cơ quan, địa phương.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương

Nêu rõ cụ thể tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan, địa phương (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập). Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, của Bộ ngành, của tỉnh về tổ chức bộ máy. Trong đó, nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản QPPL.
- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc.
- Tình hình sử dụng, quản lý biên chế của cơ quan, địa phương.
- Tình hình thực hiện quy chế làm việc của các cơ quan, địa phương.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra.
- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý

Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định phân cấp tại cơ quan, địa phương; công tác kiểm tra giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

3.4. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

3.5. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, địa phương (theo quy định tại Quyết định số 09/20015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương). Trong đó cần làm rõ:

- Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ chế một cửa.
- Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai thực hiện cơ chế một cửa.
- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa.
- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông.
- Số lượng hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trong đó, số hồ sơ đã giải quyết (đúng hẹn? trễ hẹn, lý do?), số hồ sơ chưa giải quyết, lý do? Việc xin lỗi bằng văn bản cá nhân, tổ chức đối với hồ sơ làm quá hạn giải quyết; trường hợp trả hồ sơ (chưa đủ điều kiện giải quyết) mà do lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ.

- Các cơ quan, đơn vị hành chính cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của Chính phủ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Việc xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, trong đó nêu rõ số cơ quan, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công đã xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm và mức độ thực hiện cơ cấu công chức trên thực tế của các cơ quan, đơn vị này.

4.2. Về công chức cấp xã (đối với báo cáo của UBND cấp huyện).

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó nêu rõ số lượng (hoặc tỷ lệ %) công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng (hoặc tỷ lệ %) số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, thống kê số lượng cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương.

4.4. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ quan, địa phương; nêu rõ kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức.

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

- Việc thực hiện thi nâng ngạch của cán bộ công chức.
- Kết quả thực hiện chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính của cơ quan, địa phương.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130. Số lượng cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế này; số cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công; số cơ quan, đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định 16/2015/NĐ-CP

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43. Trong đó, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế này; số đơn vị sự nghiệp ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công.

c) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP (nếu có)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 115. Trong đó, thống kê số tổ chức khoa học và công nghệ được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức hoạt động; số tổ chức ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.

5.3. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số- kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao tại cơ quan, địa phương

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước

- Tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị. Trong đó, số cơ quan, đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc. Tình hình xây dựng, quản lý trang thông tin điện tử (hoặc trang Web) của cơ quan, đơn vị.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 1 và mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Báo cáo cụ thể tình hình, kết quả triển khai, áp dụng ISO hành chính tại cơ quan, đơn vị. Trong đó, nêu rõ về hiệu quả của việc áp dụng ISO hành chính? những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai ISO hành chính?

Tình hình, kết quả triển khai, áp dụng ISO hành chính ở cấp xã (số xã đã triển khai/tổng số xã) *(đối với báo cáo của UBND cấp huyện)*.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC của cơ quan, địa phương trong thời gian tới (theo các nội dung về công tác CCHC tại mục II nêu trên).

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ, các bộ, ngành TW và UBND tỉnh để công tác CCHC trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn./.

Lưu ý: Đề nghị đọc kỹ các nội dung, yêu cầu trong đề cương này, nhận xét, đánh giá, báo cáo cụ thể, không nêu chung chung và chịu trách nhiệm về các thông tin, số liệu.

CÁC PHỤ LỤC BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: /SNV-CCHC ngày / /2016 của Sở Nội vụ)
(Chỉ áp dụng cho báo cáo năm)

Phụ lục 1 KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

TT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1.	Kế hoạch CCHC năm				
2.	Kế hoạch kiểm tra CCHC năm				
3.	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm của cơ quan, địa phương				
4.	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của cơ quan, địa phương				
5.	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc				
6.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, địa phương				
7.	Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương				

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Sở, ban, ngành	Cấp huyện	Cấp xã	
1.	Số cơ quan, đơn vị trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt					
2.	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về CCHC					
3.	Số cơ quan, đơn vị công khai đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
4.	Số cơ quan, đơn vị trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động					
5.	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động					
6.	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt					
7.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt					
8.	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt					
9.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt					
10.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức					
11.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức					
12.	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130					
13.	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130					
14.	Cơ quan hành chính ban hành chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ					

	được giao làm căn cứ chỉ trả thu nhập tăng thêm cho công chức								
15.	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo ND 43								
16.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ								
17.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chỉ trả thu nhập tăng thêm cho người lao động								
18.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 115								
19.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ								
20.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chỉ trả thu nhập tăng thêm cho người lao động								
21.	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản								
22.	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc								
23.	Số cơ quan, đơn vị có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử								
24.	Số cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ ISO								
25.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động								
26.	Số cơ quan, đơn vị có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông								
27.	Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định								
28.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại								

*** Ghi chú:** Các sở, ban, ngành thống kê cột thuộc các sở, ban, ngành; UBND huyện thống kê cột thuộc cấp huyện, cấp xã.

Phụ lục 3
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra			Ghi chú
			Sở, ban, ngành	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính					
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc					
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập					

Phụ lục 4
SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên công (hoặc Trang) thông tin điện tử của cơ quan, địa phương						
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở cơ quan, địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa						
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông						

Kèm PL.XL